

Mẫu CBTT-03**CÔNG TY TNHH MTV NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VÀ THIẾT BỊ TRƯỜNG HỌC TPHCM**

223 Nguyễn Tri Phương Quận 5 TPHCM

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÓM TẮT HỢP NHẤT
QUÍ 1 NĂM 2012****I. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN:****ĐVT: VNĐ**

STT	NỘI DUNG	Số dư đầu kỳ (01/01/2012)	Số dư cuối kỳ (31/03/2012)
I	Tài sản ngắn hạn	72,415,305,421	76,198,504,187
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	12,942,756,222	10,508,448,165
2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	26,159,318,505	20,989,571,266
4	Hàng tồn kho	32,478,912,364	42,533,241,314
5	Tài sản ngắn hạn khác	834,318,330	2,167,243,442
II	Tài sản dài hạn	45,292,422,762	45,344,325,183
1	Các khoản phải thu dài hạn		
2	Tài sản cố định	28,784,006,227	29,693,302,455
	- Tài sản cố định hữu hình	26,858,199,150	26,434,530,366
	- Tài sản cố định vô hình		
	- Tài sản cố định thuê tài chính		
	- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	1,925,807,077	3,258,772,089
3	Bất động sản đầu tư		
4	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	593,000,000	593,000,000
5	Tài sản dài hạn khác	15,915,416,535	15,058,022,728
III	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	117,707,728,183	121,542,829,370
IV	Nợ phải trả	26,889,949,163	36,736,047,278
1	Nợ ngắn hạn	25,955,474,574	36,192,842,687
2	Nợ dài hạn	934,474,589	543,204,591
V	Vốn chủ sở hữu	89,247,689,974	83,162,417,806
1	Vốn chủ sở hữu	89,247,689,974	83,162,417,806
	- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	56,655,300,000	56,655,300,000
	- Vốn khác của chủ sở hữu	2,352,678,643	2,352,678,643
	- Thặng dư vốn cổ phần	12,325,320,000	12,325,320,000
	- Cổ phiếu quỹ	(3,275,267,777)	(3,275,267,777)
	- Chênh lệch đánh giá lại tài sản		
	- Chênh lệch tỷ giá hối đoái	1,584,205	
	- Các quỹ	13,462,382,940	13,462,382,940
	- Lợi nhuận chưa phân phối	7,725,691,963	1,642,004,000
	- Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản		
2	Nguồn kinh phí và quỹ khác	0	0
	- Nguồn kinh phí		
	- Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định		
VI	Lợi ích cổ đông thiểu số	1,570,089,046	1,644,364,286
VII	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	117,707,728,183	121,542,829,370

II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH:**ĐVT: VNĐ**

STT	CHỈ TIÊU	Kỳ báo cáo	Lũy kế
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	24,391,222,263	24,391,222,263
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	157,648,655	157,648,655
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	24,233,573,608	24,233,573,608
4	Giá vốn hàng bán	17,029,198,141	17,029,198,141
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	7,204,375,467	7,204,375,467
6	Doanh thu hoạt động tài chính	191,067,429	191,067,429
7	Chi phí tài chính	299,679,878	299,679,878
8	Chi phí bán hàng	1,885,211,004	1,885,211,004
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	3,913,661,811	3,913,661,811
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	1,296,890,203	1,296,890,203
11	Thu nhập khác	97,958,785	97,958,785
12	Chi phí khác	268,293,412	268,293,412
13	Lợi nhuận khác	(170,334,627)	(170,334,627)
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1,126,555,576	1,126,555,576
15	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	140,629,299	140,629,299
16	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	985,926,277	985,926,277
	16.1 Lợi ích cổ đông thiểu số	74,275,240	74,275,240
	16.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	911,651,037	911,651,037
17	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	169	169
18	Cổ tức trên mỗi cổ phiếu		

Lập ngày 05 tháng 04 năm 2012

Tổng Giám đốc**Kế toán trưởng****Lập biểu**

TRẦN VĂN HƯNG

HUỖNH THỊ BÍCH HẠNH

CÔNG TY CP SÁCH VÀ THIẾT BỊ TRƯỜNG HỌC TP. HCM

Địa chỉ: 223 Nguyễn Tri Phương, P9, Q5, TP. HCM

Tel: 08.38553118 Fax: 08.38564307

Báo cáo tài chính

Quý 01 năm tài chính 2012

Mẫu số B 01-DN

DN - BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT QUÝ 1 - 2012

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	Số đầu năm (01/01/2012)	Số cuối kỳ (31/03/2012)
TÀI SẢN				
A- TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		72,415,305,421	76,198,504,187
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		12,942,756,222	10,508,448,165
1. Tiền	111	V.1	12,942,756,222	10,508,448,165
2. Các khoản tương đương tiền	112			
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		0	0
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	0	0
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		0	0
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		26,159,318,505	20,989,571,266
1. Phải thu khách hàng	131		25,621,747,845	16,324,521,306
2. Trả trước cho người bán	132		348,758,007	4,418,428,276
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		0	
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		0	
5. Các khoản phải thu khác	135	V.3	508,002,515	565,811,546
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(319,189,862)	(319,189,862)
IV. Hàng tồn kho	140		32,478,912,364	42,533,241,314
1. Hàng tồn kho	141	V.4	32,803,625,008	42,857,953,958
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(324,712,644)	(324,712,644)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		834,318,330	2,167,243,442
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		603,308,758	1,411,838,557
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		163,038,643	522,058,233
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		4,082,929	1,487,765
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		63,888,000	231,858,887
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		45,292,422,762	45,344,325,183
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		0	0
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		0	0
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		0	0
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		0	0
4. Phải thu dài hạn khác	218		0	0
5. Dự phòng các khoản phải thu dài hạn khó đòi	219		0	0
II. Tài sản cố định	220		28,784,006,227	29,693,302,455
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	26,858,199,150	26,434,530,366
- Nguyên giá	222		40,328,531,192	40,371,932,683
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(13,470,332,042)	(13,937,402,317)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.10	0	0
- Nguyên giá	225		0	0
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		0	0
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	0	0
- Nguyên giá	228		167,790,500	167,790,500
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(167,790,500)	(167,790,500)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.11	1,925,807,077	3,258,772,089
III. Bất động sản đầu tư	240		0	0
- Nguyên giá	241		0	0
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		0	0
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		593,000,000	593,000,000
1. Đầu tư vào công ty con	251		593,000,000	593,000,000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		0	0
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.13		
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259			
V. Tài sản dài hạn khác	260		15,915,416,535	15,058,022,728
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14	15,915,416,535	15,058,022,728
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		0	0
3. Tài sản dài hạn khác	268		0	0
VI. Lợi thế thương mại	269		0	0

Huỳnh Thi Bích Hạnh

CÔNG TY CP SÁCH VÀ THIẾT BỊ TRƯỜNG HỌC TP. HCM:

Địa chỉ: 223 Nguyễn Tri Phương, P9, Q5, TP. HCM

Tel: 08.38553118 Fax: 08.38564307

Báo cáo tài chính

Quý 1 năm tài chính 2012

Mẫu số B 02-DN

DN - BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT- QUÝ 1 NĂM 2012

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	Quý này năm nay	Quý này năm trước	Số lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (Năm nay)	Số lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (Năm trước)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.25	24,391,222,263	22,733,190,710	24,391,222,263	22,733,190,710
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.26	157,648,655	348,308,451	157,648,655	348,308,451
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	VI.27	24,233,573,608	22,384,882,259	24,233,573,608	22,384,882,259
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.28	17,029,198,141	16,927,940,750	17,029,198,141	16,927,940,750
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ(20=10-11)	20		7,204,375,467	5,456,941,509	7,204,375,467	5,456,941,509
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.29	191,067,429	136,805,608	191,067,429	136,805,608
7. Chi phí tài chính	22	VI.30	299,679,878	271,800,124	299,679,878	271,800,124
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		162,656,701	154,300,000	162,656,701	154,300,000
8. Chi phí bán hàng	24		1,885,211,004	1,964,960,234	1,885,211,004	1,964,960,234
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		3,913,661,811	2,669,307,865	3,913,661,811	2,669,307,865
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh(30=20+(21-22) - (24+25))	30		1,296,890,203	687,678,894	1,296,890,203	687,678,894
11. Thu nhập khác	31	VI.33	97,958,785	66,384,711	97,958,785	66,384,711
12. Chi phí khác	32	VI.34	268,293,412	1,973,391	268,293,412	1,973,391
13. Lợi nhuận khác(40=31-32)	40		(170,334,627)	64,411,320	(170,334,627)	64,411,320
14. Phần lãi lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	45			0	0	0
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế(50=30+40)	50		1,126,555,576	752,090,214	1,126,555,576	752,090,214
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		140,629,299	90,646,983	140,629,299	90,646,983
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52			0	0	0
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp(60=50-51-52)	60		985,926,277	661,443,231	985,926,277	661,443,231
18.1 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		74,275,240	52,399,301	74,275,240	52,399,301
18.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	62		911,651,037	609,043,930	911,651,037	609,043,930
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu(*)	70		169	113	169	113

TP. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 04 năm 2012

Tổng giám đốc

Kế toán trưởng

Lập bảng

Trần Văn Hưng

Huỳnh Thị Bích Hạnh

CÔNG TY CP SÁCH VÀ THIẾT BỊ TRƯỜNG HỌC TP. HCM
Địa chỉ: 223 Nguyễn Tri Phương, P9, Q5, TP. HCM
Tel: 08.38553118 Fax:08.38564307

Báo cáo tài chính
Quý 01 năm tài chính 2012

Mẫu số B 03-DN

DN - BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT - PPTT - QUÝ 1 - 2012

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này(Năm nay)	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này(Năm trước)
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		34,504,681,824	36,315,122,436
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(31,729,393,663)	(27,494,076,271)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(6,914,773,166)	(6,550,496,545)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(162,656,701)	(154,300,000)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(470,152,428)	(738,617,213)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		595,348,954	549,574,136
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(4,661,506,447)	(5,346,768,785)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(8,838,451,627)	(3,419,562,242)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(521,495,355)	(123,640,616)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		0	0
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		0	0
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		0	0
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		0	
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		0	
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		138,564,310	130,418,083
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(382,931,045)	6,777,467
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		1,000,000,000	0
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp	32		0	
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		6,753,638,820	2,691,379,723
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(946,000,000)	(204,000,000)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		0	0
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(18,980,000)	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		6,788,658,820	2,487,379,723
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		(2,432,723,852)	(925,405,052)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		12,942,756,222	11,727,343,351
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(1,584,205)	(6,823,062)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70		10,508,448,165	10,795,115,237

TP. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 04 năm 2012

Tổng giám đốc

Kế toán trưởng

Lập bảng

Trần Văn Hưng

Huỳnh Thị Bích Hạnh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

QUÝ 1 - NĂM 2012

I. Thông tin chung

Công ty Cổ phần Sách & Thiết Bị Trường Học Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là "Công ty") là Công ty Cổ phần được thành lập từ việc Cổ phần hóa Doanh nghiệp nhà nước (Công ty Sách & Thiết Bị Trường Học Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 6500/QĐ-UBND ngày 23 tháng 12 năm 2005 của Ủy Ban Nhân Dân Thành Phố Hồ Chí Minh. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận doanh nghiệp theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103004971 ngày 04 tháng 07 năm 2006 của Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Thành phố Hồ Chí Minh, Luật Doanh Nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

Công ty được đăng ký giao dịch cổ phiếu phổ thông tại Sở Giao Dịch Chứng Khoán Hà Nội kể từ ngày 21/12/2006 theo Giấy chứng nhận đăng ký giao dịch cổ phiếu số 63/TTGDHN-ĐKGD ngày 06/12/2006 của Sở Giao Dịch Chứng Khoán Hà Nội.

Ngành nghề kinh doanh chính

- Mua bán sách giáo khoa. In sách giáo khoa học sinh và các loại ấn phẩm nhà trường, nhãn hiệu bao bì;
- Sản xuất và cung ứng các thiết bị trường học và đồ dùng dạy học
- Mua bán tủ, bàn, ghế, sản phẩm bằng gỗ, đồ chơi trẻ em, thiết bị nghe nhìn, máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm máy tính
- Giáo dục tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông.
- Đào tạo nghề
- Cho thuê văn phòng

Công ty con: Công ty TNHH Một thành viên In Chuyên Dùng

- Địa chỉ trụ sở chính: 104/5 Mai Thị Lựu, Phường Đa Kao, Quận 1 Thành phố Hồ Chí Minh
- Hoạt động chính của Công ty con là: In sách giáo khoa, tạp chí chuyên ngành, văn hóa phẩm, nhãn hàng, giấy tờ quản lý kinh tế - xã hội
- Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 100%.
- Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 100%.

Công ty con: Công ty cổ phần Giáo Dục An Đông

- Địa chỉ trụ sở chính: 223 Nguyễn Tri Phương, P9, Q5, TP. Hồ Chí Minh
- Hoạt động chính của Công ty con là: Giáo dục tiểu học, giáo dục trung học cơ sở, giáo dục trung học phổ thông. Dạy nghề. Dạy ngoại ngữ, dạy máy tính. Dịch vụ hỗ trợ giáo dục.
- Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 51%.
- Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 51%.

II. Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Niên độ kế toán năm bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính và các nghiệp vụ kế toán được lập và ghi sổ bằng Đồng Việt Nam (VND).

III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán Việt Nam, ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006, Hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam và các qui định về sửa đổi, bổ sung có liên quan của Bộ Tài Chính. Báo cáo tài chính được lập phù hợp với Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.
Hình thức kế toán áp dụng: Chứng từ ghi sổ.

IV. Các chính sách kế toán áp dụng:

Sau đây là tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty sử dụng để lập Báo cáo tài chính:

1- *Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính*

Công ty con

Công ty con là các đơn vị do Công ty kiểm soát. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của các Công ty con nhằm thu được lợi ích từ các hoạt động của các công ty này. Báo cáo tài chính của các công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày Công ty bắt đầu kiểm soát đến ngày kết thúc kiểm soát.

Các báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty và các Công ty con. Các báo cáo tài chính của công ty con được lập cho cùng kỳ kế toán với Công ty, áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Các bút toán điều chỉnh được thực hiện đối với bất kỳ khác biệt nào trong chính sách kế toán nhằm đảm bảo tính nhất quán giữa các Công ty con và Công ty.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của Công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của Công ty. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Tất cả các số dư và giao dịch nội bộ, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch trong nội bộ bị loại trừ hoàn toàn khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

2- *Tiền và các khoản tương đương tiền*

Tiền bao gồm: Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3- *Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ*

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng tại thời điểm phát sinh. Các tài khoản có số dư ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá ngoại tệ phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ của các khoản nợ dài hạn được phản ánh vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ của tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển, các khoản nợ ngắn hạn thì để lại số dư trên báo cáo tài chính, đầu năm sau ghi bút toán ngược lại để xóa số dư.

4- Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính.

5- Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài Chính.

6- Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết, công ty liên doanh và các khoản đầu tư tài chính khác được ghi nhận theo giá gốc.

Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính.

7- Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Mức khấu hao phù hợp với Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài chính.

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	8 – 50
Máy móc thiết bị	5 – 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 – 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	3 – 5

8- Tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản cố định vô hình khi Công ty được Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc nhận được quyền sử dụng đất lâu dài và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (trừ trường hợp đất đi thuê).

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất được xác định là toàn bộ các khoản tiền chi ra để có

Quyền sử dụng đất không có thời hạn thì không thực hiện khấu hao.

Các tài sản cố định vô hình khác

Các tài sản cố định vô hình khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Khấu hao của tài sản cố định vô hình khác được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Tỷ lệ khấu hao phù hợp với Thông tư 203/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính.

Loại tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Phần mềm máy tính	3

9- Ghi nhận chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan kết quả hoạt động kinh doanh của nhiều niên độ kế toán. Chi phí trả trước dài hạn được phân bổ theo thời gian sử dụng hữu ích ước tính.

10- Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

11-Trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc, mất việc cho khoảng thời gian người lao động làm việc tại Công ty tính đến ngày 31/12/2008. Mức trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm là từ 1% đến 3% quỹ lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí trong kỳ. Trường hợp quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm không đủ để chi trợ cấp thì phần chênh lệch thiếu được hạch toán vào chi phí.

Quỹ dự phòng về trợ cấp mất việc làm được Công ty trích lập theo quy định tại Thông tư số 82/2003/TT-BTC ngày 14/08/2003 của Bộ Tài chính.

12-Phân phối lợi nhuận sau thuế

Lợi nhuận sau thuế sau khi trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty được chia cho các cổ đông theo Nghị quyết của Đại hội Cổ đông

13- Nguyên tắc ghi nhận doanh thu bán hàng, doanh thu hoạt động tài chính

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
 - + Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng.
 - + Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc năm tài chính.
 - + Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
 - + Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế.
 - + Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

14-Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

15- Chính sách thuế và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng

- Thuế Giá trị gia tăng

Sách giáo khoa và các loại sách tham khảo bổ trợ sách giáo khoa thuộc đối tượng không chịu thuế; các loại sách khác và thiết bị văn phòng, dụng cụ học tập chịu thuế suất theo quy định hiện hành.

- Thuế thu nhập doanh nghiệp

- + Áp dụng mức thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp là 25%.

- + Ngoài ra, năm 2009, Công ty được giảm 30% thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định tại Thông tư số 03/2009/TT-BTC ngày 13/1/2009 của Bộ Tài chính.

Các ưu đãi về thuế Thu nhập doanh nghiệp áp dụng riêng đối với Công ty mẹ

- + Công ty mẹ được miễn 2 năm và giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong 3 năm tiếp theo kể từ khi có thu nhập chịu thuế. Trong năm 2006 Công ty mẹ đã có thu nhập chịu thuế, do đó Công ty mẹ được miễn thuế trong 2 năm (2006 - 2007) và được giảm 50% trong 3 năm tiếp theo (Từ năm 2008 đến hết năm 2010).

- + Ngoài ra, Công ty mẹ còn được hưởng chế độ ưu đãi đối với các tổ chức có đăng ký giao dịch cổ phiếu trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Công văn số 5248/TC – CST ngày 29/04/2005 của Bộ Tài Chính. Theo đó, Công ty mẹ được giảm 50% số thuế Thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong 2 năm (năm 2011 - 2012).

- Các loại thuế khác và lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán.

01. Tiền và các khoản tương đương tiền

	3/31/2012 VND	1/1/2012 VND
- Tiền mặt tại quỹ (VND)	126,133,234	261,744,064
- Tiền gửi ngân hàng	3,007,410,931	12,681,012,158
+ VND	2,820,686,068	11,253,759,711
+ USD	186,724,863	1,427,252,447
- Tương đương tiền	7,374,904,000	0
Cộng	10,508,448,165	12,942,756,222

03. Các khoản phải thu khác:

	3/31/2012 VND	1/1/2012 VND
--	------------------	-----------------

Phải thu Nhà Xuất Bản Giáo Dục Việt Nam-(quỹ khen thưởng)

Phải thu khác

Cộng

437,158,646

505,292,562

125,323,261

2,709,953

565,811,546

508,002,515

* Dự phòng phải thu khó đòi:

3/31/2012

1/1/2012

VND

VND

Các khoản nợ phải thu trên 3 năm

151,677,100

151,677,100

Các khoản nợ phải thu từ 2 năm đến dưới 3 năm

36,146,755

36,146,755

Các khoản nợ phải thu từ 1 năm đến dưới 2 năm

131,366,007

131,366,007

0

Cộng

319,189,862

319,189,862

04. Hàng tồn kho

3/31/2012

1/1/2012

VND

VND

- Nguyên liệu, vật liệu

10,331,140,433

7,870,643,040

- Công cụ, dụng cụ

119,901,700

66,860,375

- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang

1,800,262,319

1,566,445,687

- Thành phẩm

10,030,325,503

7,707,601,375

- Hàng hóa

20,576,324,003

15,592,074,531

Cộng

42,857,953,958

32,803,625,008

05. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

3/31/2012

1/1/2012

VND

VND

- Thuế thu nhập cá nhân (CB CNV)

1,487,765

- Thuế thu nhập doanh nghiệp

0

4,082,929

Cộng

1,487,765

4,082,929

08. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục

Nhà cửa,

Máy móc

Phương tiện

Thiết bị

Cộng

vật kiến trúc

thiết bị

vận tải

dụng cụ

VND

VND

VND

quản lý

VND

Nguyên giá

Số 01/01/2012

26,679,755,129

8,831,987,628

3,347,099,831

1,469,688,604

40,328,531,192

Mua trong năm

63,934,000

63,934,000

Xây dựng mới

0

Thanh lý, bán

20,532,509

20,532,509

Giảm khác

0

Số 31/03/2012

26,679,755,129

8,895,921,628

3,347,099,831

1,449,156,095

40,371,932,683

Khấu hao

Số 01/01/2012

5,343,892,953

5,539,742,447

1,795,837,804

790,858,838

13,470,332,042

Khấu hao trong kỳ

176,111,304

190,067,263

67,264,401

51,811,095

485,254,063

Giảm khác

0

Thanh lý bán

18,183,788

18,183,788

Số 31/03/2012

5,520,004,257

5,729,809,710

1,863,102,205

824,486,145

13,937,402,317

Giá trị còn lại

Số đầu năm

21,335,862,176

3,292,245,181

1,551,262,027

678,829,766

26,858,199,150

Số 31/03/2012

21,159,750,872

3,166,111,918

1,483,997,626

624,669,950

26,434,530,366

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm kế toán VND	Cộng VND
Nguyên giá			
Số 01/01/2012	0	167,790,500	167,790,500
Tăng trong năm			0
Giảm khác			0
Số 31/03/2012	0	167,790,500	167,790,500
Khấu hao			
Số 01/01/2012	0	167,790,500	167,790,500
Khấu hao trong kỳ			0
Giảm trong năm			0
Số 31/03/2012	0	167,790,500	167,790,500
Giá trị còn lại			
Số 01/01/2012	0	-	0
Số 31/03/2012	0	-	0

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	3/31/2012 VND	1/1/2012 VND
Sửa chữa 122PVT	60,006,363	
Cải tạo, sửa chữa 223 Nguyễn Tri Phương, Q5, TP.HCM	2,690,783,563	1,884,897,986
Sửa chữa 780NK	507,982,163	40,909,091
Cộng	3,258,772,089	1,925,807,077

13. Đầu tư dài hạn khác	3/31/2012 VND	1/1/2012 VND
Đầu tư góp vốn vào các Công ty	593,000,000	593,000,000
- Công ty CP Sách Giáo Dục Tây Ninh	103,000,000	103,000,000
- Công ty CP DV NXB GD Gia Định	490,000,000	490,000,000
Đầu tư dài hạn khác		
Cộng	593,000,000	593,000,000

14. Chi phí trả trước dài hạn	3/31/2012 VND	1/1/2012 VND
Công cụ dụng cụ chưa phân bổ	1,233,958,400	1,307,082,878
Sửa chữa Tân Tạo	0	40,022,895
Sửa chữa 223 Nguyễn Tri Phương	1,980,306,932	2,525,200,207
Sửa chữa 122 Phan Văn Trị	421,453,772	517,053,815
Sửa chữa 780 Nguyễn Kiệm	0	0
Sửa chữa Bình Dương	27,162,851	27,162,851
Sửa chữa khác chờ phân bổ	989,945,831	1,041,017,841
Quyền sử dụng đất - Bình Dương	8,476,805,817	8,524,162,275
Quyền sử dụng đất - Tân Tạo	1,899,770,681	1,911,922,733
Chi phí khác	28,618,444	21,791,040
Cộng	15,058,022,728	15,915,416,535

Quyền sử dụng đất ở Bình Dương với diện tích 20.600m² và thời hạn sử dụng trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 49 năm.(26/12/2006->31/12/2055)

Quyền sử dụng đất ở Tân Tạo với diện tích 2.575 m² và thời hạn sử dụng trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 46 năm. (20/03/2001->17/06/2047)

	VND	VND
- Vay Ngân hàng Nông Nghiệp & PT Nông Thôn VN	6,534,638,820	347,000,000
- Vay cá nhân	3,187,000,000	3,567,000,000
Nợ dài hạn đến hạn trả		
Cộng	9,721,638,820	3,914,000,000

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	3/31/2012 VND	1/1/2012 VND
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	136,546,370	470,152,428
- Thuế thu nhập cá nhân	49,103,207	195,298,182
- Thuế giá trị gia tăng	18,136,861	363,769,107
- Tiền thuê đất	0	0
- Thuế xuất, nhập khẩu	0	0
Cộng	203,786,438	1,029,219,717

18. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	3/31/2012 VND	1/1/2012 VND
- Kinh phí công đoàn	235,214,210	351,657,162
- Bảo hiểm xã hội	0	2,324,818
- Bảo hiểm y tế	0	
- Phải trả về cổ phần hóa	723,771,000	723,771,000
- Cổ tức phải trả	7,287,131,932	310,772,932
- Thuế TNCN tạm thu CB CNV	0	119,823,460
- Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	0	345,100,000
- Khoản phải trả khác	1,279,015,716	240,939,067
Cộng	9,525,132,858	2,094,388,439

22. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ Dự phòng tài chính VND	
Số dư 01/01/2011	56,655,300,000	1,845,562,255	10,619,105,350	1,375,716,000	
Tăng trong năm		507,116,388	968,759,085	498,802,505	
Tăng khác					
Giảm trong năm					
Số dư 31/12/2011	56,655,300,000	2,352,678,643	11,587,864,435	1,874,518,505	
Số dư 01/01/2012	56,655,300,000	2,352,678,643	11,587,864,435	1,874,518,505	
Tăng trong năm					
Tăng khác					
Giảm trong năm					
Số dư 31/03/2012	56,655,300,000	2,352,678,643	11,587,864,435	1,874,518,505	
	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	LN sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư 01/01/2011	12,325,320,000	(3,275,267,777)	6,823,062	60,671,820	79,613,230,710
Tăng trong năm			58,767,290	11,161,047,289	13,194,492,557
Tăng khác					0
Giảm trong năm			64,006,147	3,496,027,146	3,560,033,293
Số dư 31/12/2011	12.325.320.000	(3.275.267.777)	1.584.205	7.725.691.963	89.247.689.974

Số dư 01/01/2012	12,325,320,000	(3,275,267,777)	1,584,205	7,725,691,963	89,247,689,974
Tăng trong năm			738,946	911,651,037	912,389,983
Tăng khác		-			0
Giảm trong năm			2,323,151	6,995,339,000	6,997,662,151
Số dư 31/03/2012	12,325,320,000	(3,275,267,777)	0	1,642,004,000	83,162,417,806

- Vốn khác của chủ sở hữu là Quỹ dự trữ trích lập theo điều lệ công ty

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/03/2012 Tổng số VND	01/01/2012 Tổng số VND
Vốn đầu tư của Nhà Xuất Bản Giáo Dục	29,767,680,000	29,767,680,000
Vốn góp của cổ đông khác	24,042,620,000	24,042,620,000
Giá trị cổ phiếu quỹ theo mệnh giá	2,845,000,000	2,845,000,000
Cộng	56,655,300,000	56,655,300,000

c. Cổ phiếu

	31/03/2012	01/01/2012
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5,665,530	5,665,530
+ Cổ phiếu phổ thông	5,665,530	5,665,530
+ Cổ phiếu ưu đãi		
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	284,500	284,500
+ Cổ phiếu phổ thông	284,500	284,500
+ Cổ phiếu ưu đãi		
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5,381,030	5,381,030
+ Cổ phiếu phổ thông	5,381,030	5,381,030
+ Cổ phiếu ưu đãi		

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000VNĐ

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả kinh doanh

25. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ(Mã số 01)	QUÝ 1/ 2012 VND	QUÝ 1/ 2011 VND
Tổng doanh thu	24,391,222,263	22,733,190,710
+ Doanh thu bán hàng sách và sản phẩm in	5,835,128,378	5,598,661,068
+ Doanh thu thiết bị giáo dục	16,178,592,091	16,186,870,043
+ Doanh thu hoạt động giảng dạy	2,206,010,887	805,823,233
+ Doanh thu khác	171,490,907	141,836,366
26. Các khoản giảm trừ doanh thu (Mã số 02)	157,648,655	348,308,451
+ Hàng bán bị trả lại	157,648,655	348,110,001
+ Giảm giá, chiết khấu	0	0
+ Giảm khác (điều chỉnh thuế suất...)	0	198,450
27. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ(Mã số 10)	24,233,573,608	22,384,882,259
28. Giá vốn hàng bán(Mã số 11)	QUÝ 1/ 2012 VND	QUÝ 1/ 2011 VND
+ Giá vốn sách và sản phẩm in	4,777,958,028	4,383,548,751
+ Giá vốn thiết bị giáo dục	11,031,394,491	12,071,541,188
+ Giá vốn hoạt động giảng dạy	1,150,867,742	367,621,236
+ Giá vốn khác	68,977,880	105,229,575
+ Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	0	

29. Doanh thu hoạt động tài chính(Mã số 21)**QUÝ 1/ 2012****QUÝ 1/ 2011****VND****VND**

- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	140,048,181	108,610,083
- Cổ tức lợi nhuận được chia	49,000,000	21,808,000
- Chiết khấu thanh toán nhanh nhận được	2,019,248	6,387,525
Cộng	191,067,429	136,805,608

30. Chi phí hoạt động tài chính(Mã số 22)**QUÝ 1/ 2012****QUÝ 1/ 2011****VND****VND**

- Lãi vay ngân hàng, cá nhân	162,656,701	154,300,000
- Chiết khấu thanh toán	137,023,177	117,500,124
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	0	
Cộng	299,679,878	271,800,124

33. Thu nhập khác(Mã số 31)**QUÝ 1/ 2012****QUÝ 1/ 2011****VND****VND**

- Bán thanh lý, phế liệu	15,308,635	55,713,637
- Thu nhập khác	82,650,150	10,671,074
Cộng	97,958,785	66,384,711

34. Chi phí khác(Mã số 32)**QUÝ 1/ 2012****QUÝ 1/ 2011****VND****VND**

- Chi phí thanh lý	261,259,506	1,970,170
- Chi phí khác	7,033,906	3,221
Cộng	268,293,412	1,973,391

TP. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 04 năm 2012

Tổng giám đốc

Kế toán trưởng

Người lập

Trần Văn Hưng

Huỳnh Thị Bích Hạnh

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM
CÔNG TY CP SÁCH VÀ TBTH TP.HCM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số:

V/v: Giải trình chênh lệch tăng lợi nhuận
sau thuế quý 1 năm 2012 trên 10%

TP. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 04 năm 2012

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

1. Tên công ty: Công ty cổ phần Sách và Thiết Bị Trường Học TP. Hồ Chí Minh.
2. Mã chứng khoán: STC
3. Địa chỉ trụ sở chính: 223 Nguyễn tri Phương, phường 9, quận 5, TP.HCM
4. Điện thoại: (08) 38554645 Fax: (08) 38564307
5. Người thực hiện công bố thông tin: TRẦN VĂN HƯNG.
6. Nội dung của thông tin công bố:

Báo cáo tài chính hợp nhất quý 1 năm 2012 của công ty CP Sách và Thiết Bị Trường Học TP. HCM được lập ngày **04/01/2012**, bao gồm: BCĐKT, BCKQKD, BCLCTT, TMBCTC.

Nội dung giải trình (chênh lệch trên 10% LNST so với cùng kỳ năm ngoái):
Quý 1 năm 2012 lợi nhuận sau thuế là 985.926.277 đồng, tăng 324.483.046 đồng so với quý 1 năm 2011, tương ứng tỷ lệ tăng là: 49,06%. Lý do:

- Tỷ lệ bán lẻ tăng cao.
 - Tiếp tục thực hành tiết kiệm tối đa chi phí.
 - Thay đổi cơ cấu mặt hàng bán ra có tỷ suất lợi nhuận cao.
 - Lợi nhuận từ giảng dạy tăng do số lớp học tăng gấp đôi.
 - Do quý I hàng năm lợi nhuận trước thuế không cao, lợi nhuận đạt 1,13 tỷ đồng chiếm 8,69% so với kế hoạch năm 2012, tức tăng là 374 triệu đồng nhưng tỷ lệ đạt là 149,73% tức tăng 49,73% so với năm 2011 cùng kỳ, do đó việc tăng lãi trong khoảng thời gian này có ý nghĩa rất lớn vì nó làm tỷ lệ lãi tăng cao.
7. Địa chỉ Website đăng tải toàn bộ báo cáo tài chính: www.stb.com.vn

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT,

Nơi nhận:

- Như trên,
- Lưu.

TỪ VĂN SƠN.